

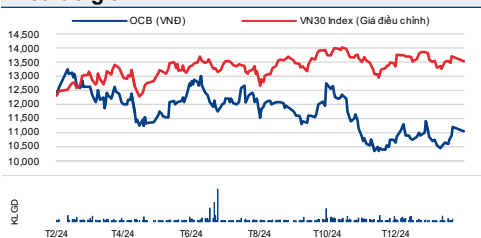
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ13,000
Tiềm năng tăng/giảm: 17.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (3/2/2025)	11.050
Mã Bloomberg	OCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,350-13,249
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	11,050
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	27,247
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,077
Sig CP lưu hành (tr.đv)	2,466
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	740
Sig CP NN được mua (tr.đv)	259
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.5%
Tỷ lệ freefloat	48.0%
Cổ đông lớn	/án Tuần và liên quan (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	240	257	297
Dư nợ cho vay (ntđ)	148	168	196
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	8.94	9.45	10.9
Lợi nhuận thuần (ntđ)	3.30	3.03	3.58
BVPS (đồng)	11,573	12,776	14,227
EPS (đồng)	1,340	1,228	1,451
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	23.3	13.8	16.4
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	8.09	5.71	15.9
Tăng trưởng EPS (%)	1.78	(8.37)	18.2
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	12.3	10.1	10.7
ROAA (%)	1.52	1.22	1.29
Tỷ lệ NIM (%)	3.30	3.40	3.47
Tỷ lệ CIR (%)	35.5	39.0	38.2
Hệ số CAR (%)	13.3	13.7	13.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.64	3.10	2.80
LLR/nợ xấu (%)	64.2	53.3	51.2
Hệ số LDR (%)	117	117	118
P/B (lần)	0.95	0.86	0.78
P/E (lần)	8.25	9.00	7.61
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

OCB là một NH quy mô vừa phải tập trung vào phân khúc SME và bán lẻ. Chiến lược phát triển thận trọng giúp ngân hàng duy trì tỷ lệ CAR cao và ROE tầm trung.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên , Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

LNTT Q4 tăng 547% từ mức nền thấp cùng kỳ; vượt dự báo

- OCB ghi nhận LNTT Q4 đạt 1,5 nghìn tỷ đồng, tăng 547% từ mức nền thấp cùng kỳ. LNTT cả năm 2024 đạt 4 nghìn tỷ đồng, giảm 3% nhưng vượt 5% dự báo của chúng tôi, trong khi lợi nhuận trước dự phòng cao hơn 9% so với dự báo.
- Tín dụng tăng mạnh đạt 19,5% trong khi tỷ lệ NIM hồi phục nhẹ từ mức nền thấp. Tuy nhiên, sức ép lên chất lượng tài sản và lỗ mua bán trái phiếu đã gây áp lực cho lợi nhuận thuần, từ đó khiến Ngân hàng tiếp tục có một năm tăng trưởng âm.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 5% kể từ Báo cáo cập nhật của chúng tôi vào tháng 11/2024, OCB đang giao dịch với P/B và P/E dự phóng năm 2025 lần lượt là 0,78 lần và 7,6 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân lần lượt ở mức 1,06 lần và 7 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Lợi nhuận Q4/2024 tăng trưởng mạnh...

OCB đã công bố LNTT Q4/2024 đạt 1,4 nghìn tỷ đồng, tăng 547% từ mức nền thấp cùng kỳ, nhờ thu nhập lãi thuần tăng mạnh 99% so với cùng kỳ và chi phí dự phòng giảm 17% so với cùng kỳ. LNTT cả năm 2024 đạt 4 nghìn tỷ đồng, vượt 5% dự báo cả năm của chúng tôi do tác động từ việc thu nhập lãi thuần cao hơn dự báo lớn hơn tác động từ việc chi phí dự phòng cao hơn dự báo.

... nhưng tăng trưởng cả năm tiếp tục âm

LNTT cả năm 2024 giảm 3% so với cùng kỳ, năm thứ ba liên tiếp ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận âm. Nguyên nhân là do sức ép từ chất lượng tài sản làm tăng chi phí tín dụng, trong khi đó tổng thu nhập hoạt động, đặc biệt là thu nhập HĐ mua bán trái phiếu, vẫn kém tích cực. Hệ số ROE cả năm 2024 đạt 10,5%, thấp hơn đáng kể bình quân 5 năm gần nhất ở mức 19,7% (mức ROE cao này được hỗ trợ đáng kể từ các khoản lãi mua bán trái phiếu lớn trong giai đoạn tăng trưởng cao của OCB) và bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 17,4%. Điều này cho thấy những thách thức trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD, OCB

Lợi nhuận vượt 5% so với dự báo của chúng tôi nhờ tổng thu nhập hoạt động cao hơn kỳ vọng đã giúp bù đắp cho việc chi phí dự phòng cao hơn dự kiến

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	% so với cùng kỳ	2023	2024	Tăng trưởng	% dự báo của HSC
Thu nhập lãi thuần	1,332	2,655	99%	6,766	8,607	27%	106%
Thu nhập ngoài lãi	685	563	-18%	2,173	1,462	-33%	107%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	337	463	37%	882	931	6%	138%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	103	22	-78%	389	311	-20%	83%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	95	-64	-168%	648	-186	-129%	-129%
Thu nhập khác	151	142	-5%	253	407	60%	107%
Tổng thu nhập HĐ	2,017	3,218	60%	8,938	10,069	13%	107%
Chi phí HĐ	-948	-1,062	12%	-3,171	-3,804	20%	103%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	1,069	2,156	102%	5,767	6,265	9%	109%
Chi phí dự phòng	-844	-703	-17%	-1,627	-2,259	39%	116%
LNTT	224	1,453	547%	4,139	4,006	-3%	105%
Lợi nhuận thuần	173	1,156	569%	3,303	3,174	-4%	105%

Nguồn: OCB, HSC

Tín dụng tăng trưởng mạnh đạt 19,5%, được đẩy mạnh trong Q4/2024

Tín dụng tăng trưởng mạnh 19,5% so với đầu năm. Tăng trưởng tín dụng bắt đầu tăng tốc trong nửa cuối năm 2024, đặc biệt là trong Q4 (tăng 9,6% so với quý trước). Đối với huy động, tiền gửi và giấy tờ có giá tăng 13,9% so với đầu năm (tăng 8,2% so với quý trước), từ đó hệ số LDR điều chỉnh tăng lên 96,7% từ 95,4% trong Q3 và 92,2% trong cả năm 2023.

Tỷ lệ NIM mở rộng trong Q4 và cả năm 2024

Tỷ lệ NIM hàng quý tăng lên 4,04%, tăng 63 điểm cơ bản so với quý trước, nhờ cả lợi suất gộp tăng 56 điểm cơ bản so với quý trước và chi phí huy động giảm 11 điểm cơ bản so với quý trước. Đối với chi phí huy động, chi phí tiền gửi Q4 giảm nhẹ 8 điểm cơ bản so với quý trước. Do thay đổi về lãi suất tiền gửi thường có độ trễ 1-2 quý, việc lãi suất tiền gửi niêm yết ở OCB tăng lên từ cuối Q2 dự kiến sẽ sớm được phản ánh vào chi phí huy động của Ngân hàng.

Xét chung cả năm, tỷ lệ NIM đạt 3,45%, tăng nhẹ 15 điểm cơ bản so với mức nền thấp cùng kỳ, do chi phí huy động giảm (giảm 203 điểm cơ bản so với cùng kỳ) mạnh hơn mức giảm của lợi suất tài sản (giảm 165 điểm cơ bản so với cùng kỳ).

Chất lượng tài sản vẫn gặp sức ép

Chất lượng tài sản vẫn là lo ngại chính cho Ngân hàng nhưng chúng tôi tin rằng giai đoạn khó khăn nhất đã qua – có thể thấy qua việc tỷ lệ nợ xấu gộp (nợ xấu báo cáo + các khoản vay chờ xử lý) được giữ ổn định quanh mức 3,9-4,1% trong năm 2024, và giảm xuống 3,9% vào Q4 từ mức đỉnh 4,6% vào Q4/2023. Ngoài ra, nợ xấu gộp mới hình thành năm 2024 giảm xuống 1,23% từ lần lượt 3,33% và 1,87% trong năm 2023 và 2022.

Tuy nhiên, sức ép vẫn hiện hữu, thể hiện qua việc tỷ lệ nợ xấu gia tăng và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống. Để dễ hình dung, chúng tôi tách 2 thành phần của nợ xấu gộp gồm (1) nợ xấu báo cáo (chiếm 3,1% tổng dư nợ) và (2) các khoản vay chờ xử lý (chiếm 0,8% tổng dư nợ) để đánh giá như sau:

- Các khoản vay chờ xử lý: Ngân hàng đã có tiến triển trong việc xử lý khoản mục này, song tốc độ xử lý chậm hơn kỳ vọng của chúng tôi. Tuy đã giảm một nửa so với cùng kỳ và chỉ còn chiếm 0,8% tổng dư nợ cho vay (từ 2% trong năm 2023), nhưng phần lớn số dư được xử lý là thực hiện trong Q1, sau đó duy trì tương đối ổn định kể từ Q2/2024 – cho thấy những khó khăn trong quá trình này.
- Nợ xấu báo cáo: Khoản mục này là yếu tố chính khiến tỷ lệ nợ xấu gộp vẫn ở mức cao, mặc dù Ngân hàng đã tăng mạnh xử lý nợ xấu bằng dự phòng và tín dụng tăng trưởng cao. Tỷ lệ nợ xấu báo cáo mới hình thành có xu hướng tăng vào nửa cuối năm 2024, đạt 3,05% vào Q4/2024 từ 2,79% trong Q3 và 1,65% trong Q2. Xu hướng này làm chi phí tín dụng tăng lên 1,4% trong năm 2024 từ 1,22% trong năm 2023 và cao hơn bình quân 3 năm ở mức 1,07%, phản ánh nỗ lực làm sạch bảng cân đối.

Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR điều chỉnh (không bao gồm các khoản vay chờ xử lý) giảm xuống 44,9% từ 51,2% trong Q3 và 51,4% trong năm 2023 do nợ xấu mới hình thành vượt chi phí tín dụng.

Thu nhập ngoài lãi kém tích cực do lỗ mua bán trái phiếu

Thu nhập ngoài lãi Q4 và cả năm 2024 giảm lần lượt 18% và 33% so với cùng kỳ do thu nhập hoạt động nguồn vốn sụt giảm mạnh. Xét chung cả năm 2024, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 20% so với cùng kỳ, trong khi HĐ mua bán trái phiếu lỗ 3 quý liên tiếp, lũy kế cả năm lỗ 86 tỷ đồng so với lãi 648 tỷ đồng trong năm 2023. HSC tin rằng OCB đã thực hiện bán kiếm lời chênh lệch giá từ trái phiếu lợi suất cao trong năm 2023, làm thu hẹp dư địa cho HĐ mua bán trái phiếu trong năm 2024, trong khi lợi suất TPCP có xu hướng tăng nhẹ.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 5% kể từ Báo cáo cập nhật của chúng tôi vào tháng 11/2024, OCB đang giao dịch với P/B và P/E dự phóng năm 2025 lần lượt là 0,78 lần và 7,6 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân lần lượt ở mức 1,06 lần và 7 lần.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu. Mặc dù KQKD Q4 tích cực, triển vọng của OCB vẫn gặp nhiều thách thức với rủi ro chất lượng tài sản vẫn tiếp diễn & hệ số ROE thấp hơn bình quân ngành và bình quân quá khứ.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	14.1	18.1	17.7	20.8	25.3
Chi phí lãi	(7.12)	(11.4)	(9.59)	(11.6)	(14.4)
Thu nhập lãi thuần	6.95	6.77	8.08	9.22	10.9
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1.01	0.88	0.68	0.79	0.86
Lãi thuần HĐ KDNH	0.15	0.39	0.37	0.37	0.43
Lãi/lỗ từ mua bán CK	(0.22)	0.65	(0.06)	0.21	0.24
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0	0	0	0
Thu nhập khác	0.38	0.25	0.38	0.35	0.44
Tổng thu nhập HĐ	8.27	8.94	9.45	10.9	12.9
Chi phí HĐ	(3.08)	(3.17)	(3.69)	(4.18)	(4.85)
LN trước dự phòng	5.19	5.77	5.76	6.77	8.03
Chi phí dự phòng	(1.07)	(1.63)	(1.95)	(2.29)	(2.62)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	4.12	4.14	3.81	4.47	5.41
Chi phí thuế TNDN	(0.88)	(0.84)	(0.79)	(0.89)	(1.08)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	3.25	3.30	3.03	3.58	4.33
EPS (đồng)	1,316	1,340	1,228	1,451	1,756
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,466	2,466	2,466	2,466	2,466
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,466	2,466	2,466	2,466	2,466
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,466	2,466	2,466	2,466	2,466

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	0.79	0.78	0.90	1.04	1.21
Tiền gửi tại NHNN	3.23	6.97	1.43	4.16	4.82
Tiền gửi tại các TCTD khác	20.6	33.9	25.1	25.3	29.8
Chứng khoán kinh doanh	0.14	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0.36	0.04	0.06	0	0
Số dư cho vay thuần	118	145	165	193	224
Tổng dư nợ cho vay	120	148	168	196	228
Dự phòng rủi ro	(1.58)	(2.51)	(2.78)	(2.80)	(3.12)
Chứng khoán đầu tư	37.3	40.3	51.8	60.1	69.0
CK đầu tư sẵn sàng để bán	37.4	40.3	51.9	60.1	69.1
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.03)	(0.04)	(0.05)	(0.06)	(0.07)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.58	0.55	0.61	0.61	0.61
Tài sản khác	12.7	12.3	11.9	12.9	15.0
Tổng tài sản	194	240	257	297	345
Nợ phải trả	169	212	226	262	305
Tiền gửi của NHNN	2.59	0.09	0.07	0.21	0.24
Tiền gửi của các TCTD khác	22.6	31.0	34.8	41.9	50.9
Tổng tiền gửi KH	102	126	143	166	193
Trái phiếu và CCTG	32.0	37.8	35.8	41.6	48.2
Nợ khác	6.09	12.3	7.74	7.98	9.26
Vốn chủ sở hữu	25.3	28.5	31.5	35.1	39.4
Vốn điều lệ	13.7	20.5	20.5	20.5	20.5
Thặng dư vốn cổ phần	1.70	0.05	0.05	0.05	0.05
Lợi nhuận giữ lại	7.08	5.35	8.33	11.9	16.2
Quỹ & vốn khác của CSH	2.79	2.59	2.57	2.57	2.57
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	194	240	257	297	345
BVPS (đồng)	10,249	11,573	12,776	14,227	15,984

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	5.15	23.8	7.11	15.5	16.1
Tăng trưởng cho vay KH (%)	17.4	23.3	13.8	16.4	16.3
Tăng trưởng huy động KH (%)	3.44	23.2	13.8	16.0	16.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	10.5	22.0	9.44	16.0	16.0
Tăng trưởng VCSH (%)	15.9	12.9	10.4	11.4	12.3
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	20.5	(2.62)	19.5	14.1	18.3
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	28.0	3.08	16.3	13.3	16.0
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(20.3)	11.1	(0.12)	17.5	18.7
Tăng trưởng LNTT (%)	(25.3)	0.35	(7.85)	17.3	21.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	(26.3)	1.78	(8.37)	18.2	21.0

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.37	4.12	3.80	3.95	4.01
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.63)	(1.46)	(1.48)	(1.51)	(1.51)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	92.6	94.4	95.6	95.9	96.0
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.24	1.41	1.35	1.57	1.84
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	21.8	20.9	17.3	20.4	24.7

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	8.40	8.25	9.00	7.61	6.29
P/B (lần)	1.08	0.95	0.86	0.78	0.69
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	39.2	37.0	32.0	32.7	33.6
ROAA (%)	1.71	1.52	1.22	1.29	1.35
ROAE (%)	13.8	12.3	10.1	10.7	11.6
Chi phí huy động BQ (%)	4.55	6.41	4.69	5.00	5.32
Lợi suất góp BQ (%)	8.03	8.85	7.44	7.83	8.22
Lợi suất thuần (%)	3.48	2.43	2.75	2.83	2.90
Tỷ lệ NIM (%)	3.97	3.30	3.40	3.47	3.54
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	12.3	9.87	7.16	7.24	6.68
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	84.0	75.7	85.6	84.2	84.7
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	16.0	24.3	14.4	15.8	15.3
Tỷ lệ CIR (%)	37.2	35.5	39.0	38.2	37.6
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.8	13.3	13.7	13.3	12.8
VCSH/Tổng TS (%)	13.0	11.9	12.2	11.8	11.4
Đòn bẩy vốn (lần)	7.68	8.41	8.16	8.47	8.75

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.22	2.64	3.10	2.80	2.60
Hệ số LLR (%)	59.5	64.2	53.3	51.2	52.7

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	117	117	118	118
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	14.4	15.9	16.2	16.8	17.4
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	61.8	61.5	65.4	65.9	66.0

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	149	158	175	175	175
Số lượng nhân viên	6,673	6,353	6,988	6,988	6,988

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn